

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2019/HS-ST
Ngày 17-6-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lộc Sơn Thái;

Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Hoa;

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Khắc Anh;

Ông Nguyễn Văn Chung;

Ông Chu Văn Mốt.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hương – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Ảnh và bà Hoàng Thị Minh Tuệ - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 6 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 09/2019/TLST-HS ngày 11 tháng 3 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2019/QĐXXST-QĐ ngày 08 tháng 5 năm 2019, đối với bị cáo:

Lê Tuấn D, sinh ngày 22-4-1983 tại tỉnh Nghệ An.

Nơi đăng ký thường trú và chỗ ở: Xã N, thành phố V, tỉnh Nghệ An; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Xuân H và bà Nguyễn Thị H; có vợ là Phạm Thị Huyền T và 03 con (con lớn sinh năm 2007, con nhỏ sinh năm 2016); tiền án, tiền sự; không; nhân thân: Ngày 25-3-2002 bị Tòa án nhân dân thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An xử phạt 03 năm 06 tháng tù giam về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy; ngày 23-7-2008 bị Công an thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An xử phạt hành chính về hành vi đánh bạc. Bị cáo bị tạm giam từ ngày 20-7-2018, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo: Ông Dương Hữu M, Luật sư Văn phòng Luật sư H, Đoàn Luật sư tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

- Bị hại:

1. Ông Đặng Xuân D, sinh năm 1966. Trú tại: Phường T, thành phố L, tỉnh

Lạng Sơn. Có mặt.

2. Bà Tôn Thị T, sinh năm 1963. Trú tại: Phường H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Bà Đặng Thị T, sinh năm 1970. Trú tại: Phường T, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

2. Ông Nguyễn Việt H, sinh năm 1971. Trú tại: Phường T, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

3. Bà Nguyễn Thanh H, sinh năm 1970. Trú tại: Phường T, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

- *Người làm chứng:* Chị Phạm Thị Huyền T, sinh năm 1992.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Công ty trách nhiệm hữu hạn (TNHH) Đầu tư xây dựng Hoàng Thiên L được thành lập ngày 28-10-2014, mã số Doanh nghiệp 29017394**. Ngày 23-02-2017, Công ty đổi tên thành Công ty TNHH Thương mại dịch vụ và Xuất nhập khẩu Sơn L, địa chỉ: Xã N, thành phố V, tỉnh Nghệ An. Thành viên góp vốn gồm Lê Tuấn D và vợ là Phạm Thị Huyền T. Phạm Thị Huyền T giữ chức danh Giám đốc, là người đại diện theo pháp luật của công ty.

Khoảng năm 2015, Lê Tuấn D quen biết với Đặng Thị T. Khoảng giữa tháng 3-2017, Lê Tuấn D nói với Đặng Thị T là có nguồn hàng đông lạnh nhập từ nước ngoài về gồm chân gà, chân lợn, lòng lợn và nhờ Đặng Thị T tìm khách mua hàng. Đặng Thị T đã giới thiệu Lê Tuấn D với Nguyễn Việt H. Thông qua Nguyễn Việt H, Lê Tuấn D quen biết Đặng Xuân D. Khoảng tháng 4-2017, Lê Tuấn D đã nhiều lần đến Lạng Sơn gặp Đặng Thị T, Nguyễn Việt H, Đặng Xuân D để trao đổi về việc mua bán hàng hóa. Lê Tuấn D tự giới thiệu là giám đốc công ty TNHH Thương mại dịch vụ và Xuất nhập khẩu Sơn L, có nguồn hàng đông lạnh nhập từ nước ngoài về. Sau đó, Lê Tuấn D nhiều lần gửi mẫu ảnh là hàng chân gà, chân lợn, lòng lợn qua điện thoại cho Đặng Thị T để nhờ Đặng Thị T đưa cho Đặng Xuân D xem và gửi thùng hàng mẫu qua xe khách để Đặng Thị T đưa cho Đặng Xuân D kiểm tra. Sau khi kiểm tra, Đặng Xuân D đồng ý đặt mua hàng với Lê Tuấn D. Trong các ngày 24-5-2017, 26-7-2017, 27-7-2017 và 08-8-2017, Lê Tuấn D lấy tư cách là Giám đốc Công ty TNHH Thương mại dịch vụ và Xuất nhập khẩu Sơn L, ký 04 hợp đồng mua bán hàng hóa là chân gà, chân lợn, lòng lợn với Đặng Xuân D. Nội dung các hợp đồng thể hiện sau khi nhận tiền đặt cọc, Lê Tuấn D phải giao hàng cho Đặng Xuân D trong thời gian từ 35-40 ngày kể từ thời điểm ký hợp đồng. Đặng Xuân D đã 05 lần chuyển tiền đặt cọc mua hàng cho Lê Tuấn D tương ứng với 04 hợp đồng đã ký với tổng số tiền là 796.097.146 đồng (bảy trăm

chín mươi sáu triệu không trăm chín mươi bảy nghìn một trăm bốn mươi sáu đồng), cụ thể:

- Ngày 24-5-2017, Đặng Xuân D đã chuyển số tiền 163.196.146 đồng (một trăm sáu mươi ba triệu một trăm chín mươi sáu nghìn một trăm bốn mươi sáu đồng) vào số tài khoản 030034187777 của Lê Tuấn D tại ngân hàng S Nghệ An.

- Ngày 26-7-2017, Đặng Xuân D chuyển số tiền 299.901.000 đồng (hai trăm chín mươi chín triệu chín trăm linh một nghìn đồng) vào số tài khoản 030034187777 của Lê Tuấn D tại ngân hàng S Nghệ An.

- Ngày 28-7-2017, Đặng Xuân D chuyển số tiền 166.500.000 đồng (một trăm sáu mươi sáu triệu năm trăm nghìn đồng) vào số tài khoản 030034187777 của Lê Tuấn D tại ngân hàng S Nghệ An.

- Ngày 11-8-2017, Đặng Xuân D bảo vợ là Nguyễn Thanh H chuyển số tiền 166.500.000 đồng (một trăm sáu mươi sáu triệu năm trăm nghìn đồng) vào số tài khoản 030034187777 của Lê Tuấn D tại ngân hàng S Nghệ An.

Khoảng tháng 7-2017, Lê Tuấn D nói với Đặng Thị T có nguồn hàng đồng phế liệu nhập từ nước ngoài về và nhờ Đặng Thị T tìm khách mua hàng. Đặng Thị T đã giới thiệu cho Lê Tuấn D khách hàng là bà Tôn Thị T là người quen biết với Đặng Thị T từ trước đang có nhu cầu nhập mặt hàng này đề xuất sang Trung Quốc. Thông qua điện thoại của Đặng Thị T, nhiều lần Lê Tuấn D và Tôn Thị T đã nói chuyện với nhau, Lê Tuấn D cũng tự giới thiệu là Giám đốc Công ty TNHH Thương mại dịch vụ và Xuất nhập khẩu S, ký 02 hợp đồng mua bán hàng hóa là đồng phế liệu với Tôn Thị T. Các hợp đồng giữa Lê Tuấn D và Tôn Thị T đều thể hiện sau khi ký hợp đồng, nhận tiền đặt cọc trong thời gian từ 35-40 ngày, Lê Tuấn D phải giao hàng cho Tôn Thị T. Bà Tôn Thị T đã 02 lần chuyển tiền đặt cọc mua hàng cho Lê Tuấn D với tổng số tiền là 994.500.000 đồng (chín trăm chín mươi tư triệu năm trăm nghìn đồng), cụ thể:

- Ngày 31-7-2017 Tôn Thị T đã chuyển vào số tài khoản 030034187777 của Lê Tuấn D tại ngân hàng S Nghệ An số tiền 334.500.000 đồng (ba trăm ba mươi tư triệu năm trăm nghìn đồng) để đặt cọc mua hàng.

- Ngày 07-8-2017 Tôn Thị T đã chuyển vào số tài khoản 030034187777 của Lê Tuấn D tại ngân hàng S Nghệ An số tiền 660.000.000 đồng (sáu trăm sáu mươi triệu đồng) để đặt cọc mua hàng. Do hợp đồng này bà Tôn Thị T chỉnh sửa một số nội dung nên sau khi chuyển tiền đặt cọc hàng mới ký hợp đồng.

Sau khi hết thời hạn giao hàng ghi trong các hợp đồng nhưng không thấy Lê Tuấn D chuyển hàng, Đặng Xuân D, Tôn Thị T, Đặng Thị T đã nhiều lần gọi điện thoại cho Lê Tuấn D để hỏi về việc đã chuyển hàng chưa thì Lê Tuấn D trả lời hàng vẫn đang trên biển, do trục trặc nên hàng chưa về Việt Nam và trì hoãn việc giao hàng. Khoảng gần cuối tháng 8-2017, từ tài khoản Wechat của Lê Tuấn D, Đặng Thị T nhận được 01 hình ảnh thể hiện Lê Tuấn D bị bắt và bị khóa tay cùng hai người đàn ông khác, đồng thời Lê Tuấn D đã liên lạc với Đặng Thị T và Tôn Thị T bằng số điện thoại 008562091688555 để thông báo hiện Lê Tuấn D đã bị

Công an nước Lào bắt giữ về hành vi buôn bán sừng tê giác. Sau thời điểm này, Đặng Xuân D đã nhiều lần liên lạc với Lê Tuấn D nhưng không được. Ngày 23-01-2018, Đặng Xuân D đã gửi đơn đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Lạng Sơn để tố giác hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của Lê Tuấn D. Ngày 06-12-2018, bà Tôn Thị T đã viết đơn tố giác Lê Tuấn D về hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Ngày 14-3-2018, trong khi làm việc với Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Lạng Sơn tại trụ sở Công an tỉnh Nghệ An, Lê Tuấn D xin đi vệ sinh rồi bỏ trốn khỏi địa điểm làm việc. Khi được Điều tra viên yêu cầu quay lại làm việc, Lê Tuấn D không chấp hành, cũng không trở về địa phương.

Quá trình điều tra, Lê Tuấn D khai nhận như sau:

Trước đây, Lê Tuấn D có quen biết với một người đàn ông tên là Lê Tấn B, sinh năm 1971, địa chỉ: Phường **, quận A, thành phố Hồ Chí Minh, Lê Tuấn D đã nhiều lần đến nhà Lê Tấn B tại địa chỉ này, lần cuối cùng là vào khoảng tháng 3-2016. Khoảng tháng 3-2017, Lê Tấn B nói với Lê Tuấn D là có nguồn nhập khẩu chân gà, chân lợn, lòng lợn từ nước ngoài về và thông qua giới thiệu của Lê Tấn B, Lê Tuấn D đã ký 01 hợp đồng nhập khẩu mua chân gà, chân lợn với 01 Công ty nước ngoài (Lê Tuấn D không nhớ tên) và nói lại với Đặng Thị T để tìm người mua hàng và dẫn đến việc ký kết hợp đồng với ông Đặng Xuân D như đã nêu ở trên. Về số tiền 796.097.146 đồng ông Đặng Xuân D đã chuyển vào tài khoản của Lê Tuấn D để đặt cọc mua hàng đông lạnh, Lê Tuấn D khai đã 02 lần chuyển tiền với tổng số tiền là hơn 760.000.000 đồng cho Lê Tuấn B nhờ chuyển tiền ra nước ngoài đặt mua hàng chân gà, chân lợn, lòng lợn để bán cho ông Đặng Xuân D. Cụ thể: Vào khoảng tháng 6-2017, Lê Tuấn D đã đến Ngân hàng Y thành phố Vinh, Nghệ An chuyển số tiền 160.000.000 đồng vào tài khoản của Lê Tấn B, để nhờ Lê Tấn B chuyển tiền ra nước ngoài đặt mua hàng đông lạnh cho ông Đặng Xuân D. Đầu tháng 8-2017, Lê Tuấn D một mình vào thành phố Hồ Chí Minh, đưa số tiền 600.000.000 đồng cho Lê Tấn B tại một khách sạn để nhờ Lê Tấn B chuyển tiền ra nước ngoài mua hàng đông lạnh. Quá trình Lê Tuấn D đưa tiền cho Lê Tấn B không có ai biết, chứng kiến, không viết giấy tờ giao nhận tiền và hai bên không ký hợp đồng mua bán hàng hóa với nhau. Ngày 24-5-2018, sau khi ông Đặng Xuân D chuyển số tiền 163.196.146.000 đồng vào tài khoản của Lê Tuấn D để đặt cọc tiền mua hàng, Lê Tuấn D đã chuyển số tiền 80.000.000 đồng để trả tiền mua tổ yến cho một người tên La Lê T thông qua tài khoản của La Lê M, sinh năm 1989, trú tại: Phường **, quận *, thành phố Hồ Chí Minh. Lê Tuấn D mua tổ yến với La Lê T để bán lại cho khách hàng người Trung Quốc, do chưa có tiền trả cho La Lê T nên Lê Tuấn D đã sử dụng khoản tiền của ông Đặng Xuân D đặt cọc để trả tiền hàng cho La Lê T. Sau khi khách hàng Trung Quốc trả tiền hàng thì Lê Tuấn D đã gộp vào trong số tiền để đưa cho Lê Tuấn B như đã khai ở trên.

Đối với số tiền 994.500.000 đồng mà Lê Tuấn D đã nhận tiền đặt cọc mua hàng của bà Tôn Thị T, Lê Tuấn D khai: Khoảng tháng 6-2017 qua Lê Tấn B giới thiệu Lê Tuấn D quen biết với Nguyễn Mạnh T, khoảng 45 tuổi ở quận A, thành phố Hồ Chí Minh (không biết địa chỉ cụ thể). Qua trao đổi, Nguyễn Mạnh T nói

với Lê Tuấn Dườn là có nguồn hàng đồng phế liệu nhập từ nước ngoài về, Lê Tuấn D đã đặt vấn đề khi nào tìm được khách mua mặt hàng này sẽ đặt mua với Nguyễn Mạnh T. Qua Đặng Thị T giới thiệu, Lê Tuấn D đã ký 02 hợp đồng mua bán hàng hóa với bà Tôn Thị T, toàn bộ hình ảnh mẫu hàng và hàng mẫu đều do Nguyễn Mạnh T gửi cho Lê Tuấn D để Lê Tuấn D gửi cho bà Tôn Thị T xem và kiểm tra. Vào khoảng tháng 8-2017, Lê Tuấn D đã lấy toàn bộ số tiền do bà Tôn Thị T đặt cọc mua hàng vào thành phố Hồ Chí Minh đưa cho Nguyễn Mạnh T tại một khách sạn để đặc cọc mua hàng. Quá trình Lê Tuấn D đưa tiền cho Nguyễn Mạnh T không có ai biết, chứng kiến và không làm hợp đồng mua bán hàng hóa với nhau, Nguyễn Mạnh T có viết giấy nhận tiền với Lê Tuấn D nhưng hiện nay giấy nhận tiền cho Lê Tuấn D giữ đã bị thất lạc, không biết ở đâu.

Lê Tuấn D còn khai nhận: Sau khi nhận tiền đặt cọc của ông Đặng Xuân D và bà Tôn Thị T, vào khoảng giữa tháng 8-2017, vì Lê Tuấn D có hành vi mua bán hàng cấm (sừng tê giác) nên bị Công an nước Lào bắt giữ và giam giữ đến khoảng tháng 11-2017 mới được trả tự do nên Lê Tuấn D không liên hệ để chuyển hàng hoặc trả tiền cho ông Đặng Xuân D và bà Tôn Thị T được.

Ngày 15/3/2018, Lê Tuấn D đã chuyển cho ông Đặng Xuân D số tiền 30.000.000 đồng.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã thu thập, nhận thấy lời khai của bị cáo là không có căn cứ, cụ thể:

Lê Tuấn D khai khoảng tháng 3-2017, Lê Tuấn D đã ký 01 hợp đồng nhập khẩu mua chân gà, chân lợn với 01 công ty nước ngoài không nhớ tên. Xác minh tại Cục Thuế tỉnh Nghệ An thì Công ty TNHH Thương mại dịch vụ và Xuất nhập khẩu S từ khi thành lập cho đến nay chưa phát sinh hoạt động kinh doanh, giao dịch nào. Quá trình điều tra, Lê Tuấn D không cung cấp được hợp đồng mua bán mà Lê Tuấn D đã ký với Công ty nước ngoài cũng chưa nhận hàng với Công ty nước ngoài.

Đối với lời khai của Lê Tuấn D về việc đã đưa tiền cho Lê Tấn B và Nguyễn Mạnh T để đặt mua hàng chỉ là lời khai của bị cáo, không phù hợp với các chứng cứ, tài liệu đã thu thập được như: Xác minh tại Ngân hàng S chi nhánh Nghệ An cho thấy: Toàn bộ số tiền bị hại Đặng Xuân D và Tôn Thị T chuyển vào tài khoản của Lê Tuấn D đều được Lê Tuấn D rút ra khỏi tài khoản hoặc sử dụng vào mục đích khác (có bảng kê chi tiết kèm theo trong hồ sơ). Xác minh tại Ngân hàng Y, Nghệ An: Trong thời gian từ tháng 5-2017 đến tháng 8-2017, Lê Tuấn D không phát sinh giao dịch nào qua Ngân hàng Y thành phố Vinh. Xác minh tại địa chỉ phường **, quận A, thành phố Hồ Chí Minh có người tên Lê Tấn B đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa chỉ trên nhưng khoảng tháng 6-2014, Lê Tấn B đã cùng gia đình đi khỏi địa phương nơi cư trú, không rõ đi đâu, làm gì.

Đối với Nguyễn Mạnh T, do không có địa chỉ rõ ràng nên Cơ quan điều tra không có đủ căn cứ để xác minh, làm rõ.

Đối với tình tiết bị cáo khai khoảng tháng 8-2017 bị bắt tại Lào. Xác minh nội dung bức ảnh được gửi từ tài khoản Wechat của bị cáo cho Đặng Thị T cho

thấy bức ảnh của Lê Tuấn D được ghép vào một trong ba đối tượng người Lào bị bắt trong vụ án Vận chuyển trái phép chất ma túy do Bộ đội Biên phòng tỉnh Quảng Trị chụp và đăng tin lên phương tiện thông tin đại chúng. Qua xác minh tại Đoàn Biên phòng cửa khẩu C, Hà Tĩnh xác định. Trong khoảng thời gian từ tháng 8-2017 đến tháng 12-2017, Lê Tuấn D sử dụng hộ chiếu số B5813521 làm thủ tục xuất, nhập cảnh giữa Việt Nam và Lào (trung bình khoảng 2-3 ngày bị cáo làm thủ tục xuất, nhập cảnh qua biên giới một lần). Như vậy việc bị cáo khai bị Công an nước Lào bắt giữ thời điểm tháng 10-2017 là không có căn cứ.

Tại Cơ quan điều tra, Phạm Thị Huyền T khai nhận: Mặc dù Công ty TNHH Thương mại dịch vụ và Xuất nhập khẩu Sơn L do Phạm Thị Huyền T là Giám đốc nhưng bị cáo là người quản lý, điều hành mọi hoạt động giao dịch và cầm con dấu, giấy tờ. Phạm Thị Huyền T không biết và không tham gia vào hoạt động của Công ty, bị cáo là người trực tiếp giao dịch và ký kết hợp đồng mua bán hàng hóa với các bị hại, Phạm Thị Huyền T không được tham gia. Trong năm 2017, Phạm Thị Huyền T có đi cùng bị cáo ra Lạng Sơn chơi và được đến nhà ông Đặng Xuân D ăn cơm, bản thân Phạm Thị Huyền T không bàn bạc và không liên quan đến các hợp đồng này. Bị cáo và bị hại Đặng Xuân D cũng khẳng định Phạm Thị Huyền T không tham gia vào việc trao đổi hàng hóa mua bán. Đối với số tiền 666.500.000 đồng mà Lê Tuấn D đã chuyển vào tài khoản của Phạm Thị Huyền T, bị cáo và Phạm Thị Huyền T đều khai nhận do bị cáo tự ý chuyển vào tài khoản của Phạm Thị Huyền T và nhờ Phạm Thị Huyền T đến Ngân hàng rút đưa lại cho bị cáo, Phạm Thị Huyền T không biết nguồn gốc số tiền do đâu mà có. Do đó, không có cơ sở để xác định Phạm Thị Huyền T có hành vi giúp sức cho bị cáo trong quá trình thực hiện hành vi phạm tội.

Đối với bà Đặng Thị T là người giới thiệu bị cáo với các bị hại trong việc mua bán hàng hóa. Qua các tài liệu thu thập được cho thấy bản thân Đặng Thị T chỉ được bị cáo nói có nguồn hàng để bán cho ông Đặng Xuân D và bà Tôn Thị T, còn thực tế bị cáo có hàng hay không bà Đặng Thị T không biết. Việc giới thiệu của bà Đặng Thị T nhằm mục đích nếu bị cáo có hàng chuyển ra Lạng Sơn thì Đặng Thị T sẽ đảm nhiệm việc nhận và giao hàng cho các bị hại để hưởng tiền công theo sự hứa hẹn của bị cáo, bản thân bà Đặng Thị T cũng muốn hợp đồng mua bán giữa các bên được thực hiện để có việc làm, tạo thêm thu nhập. Đặng Thị T cũng chưa được hưởng lợi nhận gì từ bị cáo nên không có căn cứ để xác định Đặng Thị T đồng phạm với bị cáo về hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Đối với La Lệ M là người đã được bị cáo chuyển số tiền 80.000.000 đồng từ số tiền đặt cọc của ông Đặng Xuân D, kết quả điều tra thể hiện: Năm 2015 thông qua mạng xã hội Facebook bị cáo quen biết với La Lệ T và nhờ La Lệ T mua tờ yếm bán cho khách hàng Trung Quốc với tổng số tiền 105.500.000 đồng nhưng sau đó bị cáo không trả tiền. La Lệ T nhiều lần liên lạc để đòi tiền, lúc đầu bị cáo nghe máy và nói lý do chưa trả được, sau đó thì không liên lạc được. Khoảng tháng 5-2017, khi La Lệ T đang làm thuê ở Malaysia thì bị cáo gọi điện thoại hỏi số tài khoản để trả tiền nên đã cho bị cáo số tài khoản của La Lệ M (là em gái) để bị cáo chuyển số tiền 80.000.000 đồng trả mình. La Lệ M đã rút số tiền này và đưa cho

La Lệ T. La Lệ M không quen biết với Lê Tuấn D và không biết lý do Lê Tuấn D chuyển số tiền 80.000.000 đồng vào tài khoản của mình. Cơ quan điều tra đã xác định La Lệ M và La Lệ T không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo Lê Tuấn D.

Đối với số tiền 20.000.000 đồng Nguyễn Thanh H chuyển cho bị cáo Lê Tuấn D vào ngày 09/6/2017 là tiền ông Đặng Xuân D nhờ bị cáo mua điện thoại nhưng không mua được, bị cáo chưa trả lại cho ông Đặng Xuân D. Số tiền này ông Đặng Xuân D xác nhận không lấy lại, không đề nghị xử lý về mặt pháp luật nên Cơ quan điều tra không xem xét.

Tại bản Cáo trạng số 18/CT-VKS-P3 ngày 11/3/2019 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn đã truy tố bị cáo Lê Tuấn D về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo điểm a khoản 4 Điều 139 của Bộ luật Hình sự năm 1999.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn giữ nguyên quyết định truy tố, xác định bị cáo Lê Tuấn D đã có hành vi chiếm đoạt của ông Đặng Xuân D số tiền 766.097.146 đồng và chiếm đoạt của bà Tôn Thị T số tiền 994.500.000 đồng. Tổng số tiền bị cáo đã chiếm đoạt của các bị hại là 1.760.597.146 đồng. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Lê Tuấn D phạm tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, căn cứ điểm a khoản 4 Điều 139, điểm p khoản 1 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 1999 xử phạt bị cáo Lê Tuấn D từ 14 năm đến 15 năm tù; không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Buộc bị cáo bồi thường cho các bị hại số tiền mà bị cáo đã chiếm đoạt.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử tịch thu, tiêu hủy 01 giấy thông hành Việt Nam – Lào đã thu giữ của bị cáo do không còn giá trị sử dụng.

Bị cáo phải chịu án phí hình sự và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Người bào chữa cho bị cáo tại phiên tòa không có ý kiến tranh luận về tội danh và điều luật áp dụng. Về hình phạt, Luật sư cho rằng tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi của mình; ngoài ra bị cáo có bố đẻ là ông Lê Xuân H tuy không được Nhà nước tặng thưởng Huân, Huy chương kháng chiến nhưng đã có nhiều thành tích xuất sắc trong cuộc bảo vệ Tổ quốc. Hiện bị cáo và vợ đã ly thân, hoàn cảnh gia đình khó khăn, các con còn nhỏ nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng cho bị cáo các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999 giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo thấp hơn mức hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát đã đề nghị.

Tại phiên tòa bị cáo Lê Tuấn D thừa nhận hành vi phạm tội như Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố là mặc dù không có nguồn hàng đông lạnh và đông phê liệu nhưng bị cáo đã lợi dụng lòng tin của ông Đặng Xuân D, bà Tôn Thị T và những người có liên quan bà Đặng Thị T, ông Nguyễn Việt H để lừa đảo chiếm đoạt số tiền 1.760.597.146 đồng.

Tại phiên tòa bị hại Đặng Xuân D đề nghị xử lý nghiêm hành vi của bị cáo Lê Tuấn D theo quy định của pháp luật, bị hại Tôn Thị T đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đồng thời các bị hại yêu cầu Hội đồng xét xử buộc bị cáo phải hoàn trả số tiền còn lại đã chiếm đoạt.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án bà Đặng Thị T trình bày: Do có quen biết với Lê Tuấn D nên khi Lê Tuấn D nói có nguồn hàng đông lạnh và đồng phế liệu cần tìm người mua và hứa sẽ trả tiền hoa hồng nếu việc mua bán thành công nên bà Đặng Thị T đã giới thiệu ông Đặng Xuân D và bà Tôn Thị T cho Lê Tuấn D. Việc bị cáo lừa đảo nhằm chiếm đoạt tài sản của các bị hại bà không được bàn bạc và chưa được hưởng lợi ích gì.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông Nguyễn Viết Hồng trình bày: Năm 2017 ông xuống Hải Phòng tìm hàng hóa thì được giới thiệu và quen với viết Lê Tuấn D, Đặng Thị T và được Lê Tuấn D giới thiệu là có nguồn hàng chân gà, chân lợn nên đã giới thiệu Lê Tuấn D với ông Đặng Xuân D để ký hợp đồng với nhau. Nếu hợp đồng giao dịch thành công thì ông sẽ được ông Đặng Xuân D trả tiền hoa hồng.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án bà Nguyễn Thanh H trình bày: Chồng bà là ông Đặng Xuân D có ký hợp đồng mua bán hàng đông lạnh với bị cáo nhưng do chồng bà có việc bận nên đã nhờ bà đến ngân hàng chuyển cho bị cáo số tiền 20.000.000 đồng vào ngày 09/6/2017 và 166.554.945 đồng vào ngày 11-8-2017. Nay bà đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bị cáo phải trả lại cho chồng bà số tiền đã chiếm đoạt. Đối với số tiền 20.000.000 đồng gia đình bà không yêu cầu bị cáo trả lại và không đề nghị xử lý về mặt pháp luật.

Trong lời nói sau cùng, bị cáo Lê Tuấn D xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử, các hành vi, quyết định tố tụng của những người tiến hành tố tụng phù hợp với quy định của pháp luật tố tụng hình sự, các văn bản tố tụng được tổng đạt hợp lệ và đầy đủ. Không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa hôm nay phù hợp với lời khai của những người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, phù hợp với các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Vì vậy, có đủ căn cứ để kết luận: Trong khoảng từ tháng 4-2017 đến tháng 8-2017 thông qua Đặng Thị T, Lê Tuấn D đã có hành vi mạo danh giám đốc Công ty TNHH Thương mại dịch vụ và xuất nhập khẩu Sơn Long, đưa thông tin là mình có nguồn hàng đông lạnh (gồm chân gà, chân lợn, lòng lợn)

và đồng phế liệu nhập từ nước ngoài về để tạo lòng tin, từ đó ký hợp đồng với các bị hại Đặng Xuân D và Tôn Thị T với tổng số tiền đặt cọc là 1.790.597.146 đồng. Hết thời hạn giao hàng theo hợp đồng, bị cáo không có hàng để giao cho các bị hại. Khi các bị hại liên lạc để đòi lại số tiền đã đặt cọc, lúc đầu bị cáo nêu các lý do không đúng sự thật để trốn tránh trách nhiệm trả lại tiền, sau đó cắt đứt liên lạc, bỏ trốn khỏi địa phương. Ngày 15/3/2018, bị cáo đã chuyển cho ông Đặng Xuân D 30.000.000 đồng, tổng số tiền bị cáo đã chiếm đoạt của các bị hại là 1.760.597.146 đồng, trong đó, bị cáo đã chiếm đoạt của bà Tôn Thị T là 994.500.000 đồng, của ông Đặng Xuân D là 766.097.146 đồng. Do đó, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn truy tố bị cáo Lê Tuấn D về Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo điểm a khoản 4 Điều 139 Bộ luật Hình sự năm 1999 là có căn cứ, đúng người, đúng tội, không oan.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu, quản lý tài sản hợp pháp của người khác được pháp luật bảo hộ. Bị cáo đã lợi dụng sự tin tưởng của người khác để dùng thủ đoạn gian dối, nhằm chiếm đoạt tiền của các bị hại. Hành vi của bị cáo là sự coi thường kỷ cương pháp luật, ảnh hưởng xấu đến dư luận quần chúng, gây mất trật tự an ninh xã hội. Do vậy, bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi phạm tội đã gây ra. Để có hình phạt thỏa đáng, giúp bị cáo nhận thức rõ về lỗi lầm cũng như chính sách khoan hồng của pháp luật, tạo điều kiện cho bị cáo cải tạo tốt mau chóng trở lại cộng đồng làm người công dân tốt có ích cho xã hội, Tòa đánh giá như sau:

[4] Về nhân thân: Trước khi phạm tội, bị cáo Lê Tuấn D có nhân thân không tốt. Ngày 25-3-2002 bị Tòa án nhân dân thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An xử phạt 03 năm 06 tháng tù giam về tội tàng trữ trái phép chất ma túy; ngày 23-7-2008 bị Công an thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An xử phạt hành chính về hành vi đánh bạc.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Lê Tuấn D dùng thủ đoạn gian dối để yêu cầu người liên quan và các bị hại chuyển tiền nhiều lần, do đó bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng là phạm tội nhiều lần quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự 1999.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra bị cáo Lê Tuấn D khai báo quanh co, không thành khẩn về hành vi phạm tội của mình. Tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo Lê Tuấn D đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội; do đó bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999. Về ý kiến của Luật sư cho rằng bị cáo có bố đẻ là ông Lê Xuân H đã có nhiều đóng góp trong cuộc chiến bảo vệ Tổ quốc, tuy nhiên ông Lê Xuân H không cung cấp được bản sao các Huân, Huy chương kháng chiến nên bị cáo không được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999.

[7] Trên cơ sở xem xét, đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, hậu quả của tội phạm, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo, Hội đồng xét xử sẽ quyết định mức hình phạt tương xứng,

bảo đảm tác dụng giáo dục riêng và răn đe, phòng ngừa chung.

[8] Về hình phạt bổ sung: Quá trình điều tra xác định bị cáo không có tài sản; bản thân bị cáo cũng chưa bồi thường được cho những người bị hại. Do đó, không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[9] Về nghĩa vụ bồi thường thiệt hại: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị hại Đặng Xuân D bà Tôn Thị T đều yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại; do đó buộc bị cáo có nghĩa vụ bồi thường cho bị hại ông Đặng Xuân D số tiền 766.097.146 đồng và bồi thường cho bà Tôn Thị T số tiền 994.500.000 đồng. Tổng số tiền bị cáo phải bồi thường cho các bị hại là 1.760.597.146 đồng

[10] Về xử lý vật chứng: 01 giấy thông hành thu giữ của bị cáo Lê Tuấn D không liên quan đến hành vi phạm tội nhưng không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy

[11] Từ những phân tích trên thấy rằng cần chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về phần hình phạt chính đối với bị cáo và không áp dụng hình phạt bổ sung do phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử. Về đề nghị của người bào chữa cho bị cáo không phù hợp nên không được chấp nhận.

[12] Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo Lê Tuấn D bị kết án, do đó bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[13] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị cáo Lê Tuấn D có nghĩa vụ cho bị hại ông Đặng Xuân D số tiền 766.097.146 đồng và bồi thường cho bà Tôn Thị T số tiền 994.500.000 đồng. Tổng số tiền bị cáo phải bồi thường cho các bị hại là 1.760.597.146 đồng. Do đó, bị cáo phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 64.817.914 đồng theo quy định tại khoản 3 Điều 21, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[14] Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo Bản án sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 4 Điều 139; điểm p khoản 1 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 33 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 106; khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 585; khoản 1 Điều 586; khoản 1 Điều 589; khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 23; khoản 3 Điều 21; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ

Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố: Bị cáo Lê Tuấn D phạm tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản;

Xử phạt bị cáo Lê Tuấn D 14 (mười bốn) năm tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 20-7-2018.

2. Nghĩa vụ bồi thường thiệt hại:

Buộc bị cáo Lê Tuấn D bồi thường cho bị hại ông Đặng Xuân D số tiền 766.097.146 đồng và bồi thường cho bà Tôn Thị T số tiền 994.500.000 đồng.

Khi Bản án có hiệu lực pháp luật, bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành, nếu bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì phải trả lãi với số tiền chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Xử lý vật chứng: Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) Giấy thông hành biên giới Việt Nam – Lào, số NA4089/18BG/XNC, cấp ngày 30-3-2018; nơi cấp: Công an tỉnh Nghệ An.

(Vật chứng trên đang được tạm giữ tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Lạng Sơn theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 11-3-2019).

4. Án phí: Bị cáo Lê Tuấn D phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 65.817.914 đồng (sáu mươi lăm triệu tám trăm mười bảy nghìn chín trăm mười bốn đồng) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

5. Quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (17/6/2019).

Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- Sở Tư pháp Lạng Sơn;
- Phòng PV27 CA tỉnh Lạng Sơn;
- Cục THADS tỉnh Lạng Sơn;
- Bị cáo (trại tạm giam);
- Người tham gia tố tụng khác;
- HCTP, KTNV & THA;
- Lưu: Hồ sơ vụ án; Tòa HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lộc Sơn Thái